

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày 30/01/2019

“V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN KHÊ - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kia và ông Phan Đình Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

Ngày 30/01/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2018/TLST-HNGĐ ngày 08/01/2018 “Về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/01/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Công T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn A1, xã CA, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Phan Thị S, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn A1, xã CA, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Công T trình bày: Anh T và chị Phan Thị S tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CA, thị xã AK, tỉnh Gia Lai, theo giấy chứng nhận kết hôn số 0S vào ngày 17/6/2014. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính nhau, khác nhau về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát và đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Vào tháng 4/2018, anh T đã khởi kiện xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn khởi kiện, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Hiện nay, anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với chị Phan Thị S. Về con chung: Anh T và chị S có 01 con chung là Lê Bảo C, sinh ngày 16/3/2015. Anh

T đề nghị giao cháu C cho chị S nuôi dưỡng và anh chỉ có khả năng cấp dưỡng từ 300.000đ đến 400.000đ/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Phan Thị S trong quá trình giải quyết vụ án có lời khai vào ngày 27/11/2018 như sau: Chị Phan Thị S đồng ý ly hôn với anh Lê Công T vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể chung sống với nhau được. Về con chung: Chị S và anh T có 01 con chung là Lê Bảo C, sinh ngày 16/3/2015. Chị S có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu C và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.200.000đ/tháng cho đến khi cháu C trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Công T yêu cầu ly hôn với chị Phan Thị S, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn A1, xã CA, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai. Bị đơn chị Phan Thị S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Phan Thị S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Công T và chị Phan Thị S có đủ điều kiện kết hôn, đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh T và chị S đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị S. Ngoài ra, Thôn A1 và UBND xã CA đã có xác nhận về tình trạng mâu thuẫn giữa anh T và chị S. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để anh T và chị S có cơ hội hàn gắn với nhau nhưng chị S không đến. Đồng thời, chị S có lời khai đồng ý ly hôn với anh T vì mâu thuẫn trầm trọng, thể hiện ý chí không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với anh T. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên để vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh T vẫn cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Công T đối với chị Phan Thị S.

[3] Về nuôi con chung: Anh T và chị S có 01 con chung là Lê Bảo C, sinh ngày 16/3/2015, chị S có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu C. Hội đồng xét xử xét thấy vì lợi ích của con chung, hiện nay cháu C còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ và anh T cũng đồng ý giao cháu C cho chị

S nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao cháu Lê Bảo C, sinh ngày 16/3/2015 cho chị Phan Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, do vậy chị S yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Về mức cấp dưỡng, chị S yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.200.000đồng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị S là phù hợp nên cần chấp nhận. Về phương thức cấp dưỡng, do các bên không tự thỏa thuận được nên cần buộc anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hằng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02/2019 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi và tự lập được.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn anh Lê Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, bị đơn chị Phan Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Công T.

- *Về hôn nhân:* Anh Lê Công T được ly hôn với chị Phan Thị S.

- *Về việc nuôi con chung:* Giao cho chị Phan Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Bảo C, sinh ngày 16/3/2015, khi cháu C chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Lê Công T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng cho cháu C với số tiền 1.200.000đ/tháng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02/2019 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi và tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí*: Anh Lê Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0007151 ngày 08/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai; anh T còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị Phan Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (30/01/2019), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã AK;
- Chi cục THADS TX. AK;
- UBND xã CA, thị xã AK, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đồng Ánh Đông